

# XUNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống các từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt.
- Hiểu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô với tình huống giao tiếp.
- Nắm vững và sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

**1.** Xưng hô không phải là một nội dung mới đối với HS lớp 9. Ở lớp 8, các em đã được học một số phần có liên quan đến xưng hô. Tuy nhiên, bài này đề cập sâu hơn đến vấn đề này.

**2.** Sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống các phương tiện xưng hô là một đặc điểm nổi bật của tiếng Việt,... Vì vậy, kiến thức về xưng hô và kỹ năng sử dụng những phương tiện xưng hô hợp thành một phần quan trọng trong nội dung giáo dục ngôn ngữ của nhà trường ở Việt Nam và một số quốc gia khác.

**3.** Việc sử dụng các phương tiện xưng hô bao giờ cũng được xét trong quan hệ với tình huống giao tiếp. Khi hệ thống các phương tiện xưng hô của một ngôn ngữ càng phong phú và tinh tế thì mối quan hệ này càng phức tạp, đòi hỏi người nói phải hết sức chú ý. Một mặt nó giúp người nói thể hiện thái độ, tình cảm của mình một cách đầy đủ, sinh động, nhưng mặt khác, cũng tạo cho người nói những tình huống nan giải, nhất là đối với những người nước ngoài học tiếng Việt. Bài học này nhằm giúp HS thấy rõ vấn đề đó.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

### Hoạt động 1

*Bước 1.* GV yêu cầu HS nêu một số từ ngữ để xưng hô trong tiếng Việt và cho biết cách dùng những từ ngữ đó. Cần đặc biệt chú ý đến việc sử dụng những danh từ chỉ người, nhất là những danh từ chỉ quan hệ họ hàng dùng để

xưng hô trong tiếng Việt và cho HS thấy được sự tinh tế trong xưng hô của người Việt. Có thể so sánh với một ngôn ngữ châu Âu mà HS đang học. Chẳng hạn trong tiếng Anh, để xưng (tự chỉ mình) người nói dùng *I* (số đơn) hoặc *we* (số phức), để hô (chỉ người nghe) người nói dùng *you* (cho cả số đơn và số phức). Nhưng trong tiếng Việt thì hoàn toàn khác.

Để HS thấy rõ sự tinh tế trong xưng hô của người Việt, GV có thể yêu cầu các em thử nhớ xem trong giao tiếp đã bao giờ gặp tình huống không biết xưng hô như thế nào chưa.

HS có thể nêu một số tình huống như sau :

– Xưng hô với bố, mẹ là thầy giáo, cô giáo ở trường mình trước mặt các bạn trong giờ chơi, giờ học.

– Xưng hô với em họ, cháu họ đã nhiều tuổi.

*Bước 2.* GV yêu cầu HS đọc hai đoạn trích trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* và thực hiện các nhiệm vụ dưới đây :

– Xác định các từ ngữ xưng hô trong hai đoạn trích.

+ Từ ngữ xưng hô trong đoạn trích thứ nhất : *em – anh* (của Dế Choắt nói với Dế Mèn), *ta – chú mày* (của Dế Mèn nói với Dế Choắt).

+ Từ ngữ xưng hô trong đoạn trích thứ hai : *tôi – anh* (của Dế Mèn nói với Dế Choắt và của Dế Choắt nói với Dế Mèn).

– Phân tích sự thay đổi về cách xưng hô của Dế Choắt và Dế Mèn trong hai đoạn trích :

Trong đoạn trích thứ nhất, sự xưng hô của hai nhân vật rất khác nhau, đó là sự xưng hô bất bình đẳng của một kẻ ở vị thế yếu, cảm thấy mình thấp hèn, cần nhờ và người khác và một kẻ ở vị thế mạnh, kiêu căng và hách dịch. Nhưng trong đoạn trích thứ hai, sự xưng hô thay đổi hẳn, đó là sự xưng hô bình đẳng (*tôi – anh*), không ai thấy mình thấp hơn hay cao hơn người đối thoại.

– Giải thích sự thay đổi đó.

Có sự thay đổi về xưng hô như vậy vì tình huống giao tiếp thay đổi, vị thế của hai nhân vật không còn như trong đoạn trích thứ nhất nữa. Dế Choắt không còn coi mình là đàn em, cần nhờ và, nương tựa Dế Mèn nữa mà nói với Dế Mèn những lời trăng trối với tư cách là một người bạn.

*Bước 3.* Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ*.

## Hoạt động 2

Hướng dẫn HS làm bài tập.

## IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**Bài tập 1.** Thay vì dùng *chúng em*, cô học viên người châu Âu dùng *chúng ta*. Trong tiếng Việt, có sự phân biệt giữa phương tiện xưng hô chỉ "ngôi gộp" (tức chỉ một nhóm ít nhất là hai người, trong đó có người nói và cả người nghe như *chúng ta*) và phương tiện xưng hô chỉ "ngôi trù" (tức chỉ một nhóm ít nhất là hai người, trong đó có người nói, nhưng không có người nghe như *chúng tôi*, *chúng em*,...). Ngoài ra, có phương tiện xưng hô vừa có thể được dùng để chỉ "ngôi gộp", vừa có thể được dùng để chỉ "ngôi trù" như *chúng mình*. Khác với tiếng Việt, nhiều ngôn ngữ châu Âu không có sự phân biệt đó, chẳng hạn *we* trong tiếng Anh có thể dịch sang tiếng Việt là *chúng tôi* hoặc *chúng ta* tùy thuộc vào tình huống. Do ảnh hưởng của thói quen trong tiếng mẹ đẻ (không phân biệt "ngôi gộp" và "ngôi trù"), cô học viên đã có sự nhầm lẫn. Điều đáng chú ý là việc dùng *chúng ta*, thay vì dùng *chúng em* / *chúng tôi*, trong tình huống này làm cho ta có thể hiểu lầm thành hôn là của cô học viên người châu Âu và vị giáo sư Việt Nam.

**Bài tập 2.** Việc dùng *chúng tôi* thay cho *tôi* trong các văn bản khoa học nhằm tăng thêm tính khách quan cho những luận điểm khoa học trong văn bản. Ngoài ra, việc xưng hô này còn thể hiện sự khiêm tốn của tác giả.

Tuy nhiên, cần lưu ý trong những tình huống nhất định, chẳng hạn khi viết bài bút chiến, tranh luận, khi cần nhấn mạnh ý kiến riêng của cá nhân, thì dùng *tôi* tỏ ra thích hợp hơn.

**Bài tập 3.** Trong truyện *Thánh Gióng*, đứa bé gọi mẹ của mình theo cách gọi thông thường. Nhưng xưng hô với sứ giả thì sử dụng những từ *ta* – *ông*. Cách xưng hô như vậy cho thấy Thánh Gióng là một đứa bé khác thường.

**Bài tập 4.** Vị tướng, tuy đã trở thành một nhân vật nổi tiếng, có quyền cao chức trọng, nhưng vẫn gọi thầy cũ của mình là *thầy* và xưng là *con*. Ngay khi người thầy giáo già gọi vị tướng là *ngài* thì ông vẫn không hề thay đổi cách xưng hô. Cách xưng hô đó thể hiện thái độ kính cẩn và lòng biết ơn của vị tướng đối với thầy giáo của mình. Đó quả là bài học sâu sắc về tinh thần "tôn trọng đạo", rất đáng để noi theo.

**Bài tập 5.** Trước năm 1945, đất nước ta còn là một nước phong kiến. Người đứng đầu nhà nước là vua. Vua không bao giờ xưng với dân chúng của mình là

*tôi*, mà xưng là *trẫm*. Việc Bác, người đứng đầu nhà nước Việt Nam mới, xưng là *tôi* và gọi dân chúng là *đồng bào* tạo cho người nghe cảm giác gần gũi, thân thiết với người nói, đánh dấu một bước ngoặt trong quan hệ giữa lãnh tụ và nhân dân trong một đất nước dân chủ.

**Bài tập 6.** Các từ ngữ xưng hô trong đoạn trích này là của một kẻ có vị thế, quyền lực (cai lệ) và một người dân bị áp bức (chị Dậu). Cách xưng hô của cai lệ thể hiện sự trịch thượng, hống hách. Còn cách xưng hô của chị Dậu ban đầu thì hạ mình, nhẫn nhục (*nha cháu - ông*), nhưng sau đó thay đổi hoàn toàn : *tôi - ông*, rồi *bà - mày*. Sự thay đổi cách xưng hô đó thể hiện sự thay đổi thái độ và hành vi ứng xử của nhân vật. Nó thể hiện sự phản kháng quyết liệt của một con người bị dồn đến bước đường cùng.